

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 10-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đoàn Tụ

Bà Hoàng Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Bích Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày 14 tháng 02 năm 1984, tại xã G, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ĐKTT: Thôn K, xã G, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Tạm trú tại: Tổ L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1955 và bà Tạ Thị Đàm X, sinh năm 1958

Cùng trú tại: Thôn K, xã G, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh.

Có vợ là Nguyễn Thu H, sinh năm 1993

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại:

+ Ông Nguyễn Phương T1; có mặt

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ Bà Lê Thị M; có mặt

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

+ Anh Nguyễn Yên T2; có mặt

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ Chị Nông Thị V2; có mặt

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thu H; có mặt

Trú tại: Tổ L thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/12/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nhận được tố giác của ông Nguyễn Phương T1, trú tại tổ L thị trấn B về việc gia đình ông bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy trộm số tiền khoảng 80.000.000,đ (*Tám mươi triệu đồng*) và hơn một cây vàng trang sức gia đình ông để trong két sắt. Nhận được tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh, thu thập dấu vết, chứng cứ.

Ngày 02/12/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại gầm giường trong buồng ngủ của ông T1 02 (*Hai*) hộp nhựa màu đỏ, hình vuông, trên nắp hộp ghi nhãn hiệu Kim Tín màu vàng, một hộp có kích thước 5,3x5,3x2,0 cm; một hộp có kích thước 3,9x3,9,x1,5 cm. Tất cả các hộp nhựa trên được niêm phong và trưng cầu giám định truy tìm dấu vết tội phạm.

Qua kết quả xác minh, điều tra và căn cứ Kết luận giám định số 07-GĐKTHS/PC54 ngày 05/01/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn Q sinh ngày 14/02/1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã G, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông T1 vào ngày ngày 01/12/2017.

Tại cơ quan Điều tra, Q khai nhận cụ thể như sau: Khoảng 09 giờ sáng ngày 01/12/2017, Q đi bộ đưa con từ nhà bố mẹ vợ tại tổ L thị trấn B xuống cơ quan của vợ là Nguyễn Thu H để chị H đưa con đi uống thuốc vitamin. Sau đó, một mình Q quay về nhà. Khi đi ngang qua nhà ông T1 (là hàng xóm gần đó), Q không thấy có người ở nhà. Q thấy cửa nhà của ông T1 khóa ngoài nhưng cửa bếp phía bên phải chỉ cài chốt bên ngoài nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q lên vào lối cửa bếp qua đến chuồng lợn rồi tiếp tục rẽ trái đến cửa sau của nhà thì thấy cánh cửa gỗ bên phải có một thanh chớp gỗ bị mất nên dùng tay thò vào trong rút chốt bằng kim loại và mở được cửa. Q đi vào bên trong và chốt cửa lại như cũ. Q bước vào buồng ngủ thứ hai bên phía tay trái (tính từ cửa sau đi lên cửa trước) và bật công tắc điện lên thì thấy có một chiếc két sắt kê trong buồng ngủ, gần két có 01 chiếc túi bên trong đựng tiền lẻ nhiều mệnh giá. Q không lấy số tiền này và tiếp tục lục lọi các túi ở quần áo treo trên nóc nhưng không tìm thấy gì nên đi ra ngoài. Sau khi ra khỏi buồng ngủ, Q thấy 01 chiếc quần dài vắt trên bao hàng phía bên tay phải, Q lục túi quần lấy được 01 chùm chìa khóa nên quay lại buồng ngủ và chọn lấy 01 chiếc chìa khóa trông giống chìa khóa két tra vào ổ khóa két thì mở được và thấy bên trong két sắt có 01 bọc tiền gồm nhiều mệnh giá từ 10.000,đ (*Mười nghìn đồng*) đến 500.000,đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nhưng Q không động vào số tiền đó. Q thấy bên trên két sắt có một ngăn nhỏ nên tiếp tục dùng chìa khóa bé nhất trong chùm chìa khóa để mở tủ thì mở được, thấy bên trong có một sấp tiền mệnh giá 500.000,đ (*Năm trăm nghìn đồng*) không buộc dây, Q mang ra xem thì thấy có 06 (*Sáu*) cọc tiền nhỏ buộc bằng dây chun màu đen. Q gấp tiền lại và cho vào túi quần đang mặc trên người. Q tiếp tục thấy trong két có một túi vải nên mở ra thì thấy bên trong có nhiều hộp nhựa màu đỏ, Q lấy 02 (*Hai*) chiếc hộp bé nhất mở ra thì thấy một hộp bên trong không có gì, còn một hộp bên trong có một chiếc nhẫn nhưng không rõ đặc điểm nhẫn, Q lấy chiếc nhẫn đó cất vào túi quần đang mặc và vớt 02 (*Hai*) chiếc hộp này vào gầm giường cạnh két sắt. Tiếp tục mở 02 hộp nhựa to hơn thì thấy một hộp có 02 (*Hai*) chiếc lắc tay tròn, một chiếc lắc to, một chiếc lắc nhỏ hơn, Q đây nắp hộp lại rồi mở đến hộp thứ hai thì thấy có nhiều nhẫn vàng, trong đó có một nhẫn vàng mặt vuông. Q lấy cả hai chiếc hộp này cất vào người rồi đóng két sắt lại như cũ, rút chìa khóa cất vào người đồng thời xoay mã số két khỏi vị trí ban đầu và đi ra ngoài theo lối đã vào đến cửa bếp thì thấy đã bị chốt ở ngoài nên quay lại lối cũ và bước lên tầng hai để tìm lối ra nhưng không ra được nên quay xuống cầu thang. Lúc này, Q quan sát qua cửa kính thấy ông T1 đang về nhà nên Q quay lại lên tầng hai để ẩn nấp. Trong lúc này, Q mở hai hộp nhựa màu đỏ ra lấy hết số vàng bên trong hai hộp nhựa to rồi cất vàng vào túi quần đang mặc trên người, còn hai chiếc hộp thì giấu dưới chiếu trên chiếc giường đặt giữa nhà. Khi thấy ông T1 lại gánh phân đi ra khỏi nhà, Q quay xuống đi theo lối vào ban đầu khi ra đến cửa bếp đã bị chốt ngoài Q lấy một chiếc thìa trong bếp bẻ cong phần cán thìa và thò qua khe cửa gậy thanh chốt ngoài, sau đó vớt chiếc thìa lại đằng sau cửa. Ra đến ngoài, Q chốt các cửa lại như ban đầu, rồi đi về nhà bố mẹ vợ. Lên buồng ngủ của hai vợ chồng tại tầng hai, Q đếm qua số tiền thì thấy có 60.000.000,đ (*Sáu mươi triệu đồng*) ứng với mỗi cọc 10.000.000,đ (*Mười triệu đồng*). Q cất tiền và vàng vào ngăn giữa của tủ đựng

quần áo và giấu chùm chìa khóa vào gầm giường. Một ngày sau, Q đem vứt chùm chìa khóa vào thùng rác gần nhà.

Khoảng mười lăm ngày sau, Q và vợ con về quê tại thị xã S, tỉnh Bắc Ninh chơi. Khi đi, Q mang theo số tiền và vàng trộm cắp được lên thành phố Bắc Ninh bán cho một cửa hàng vàng bạc nhưng Q không nhớ rõ địa chỉ, bán được tổng cộng 11 (Mười một) chỉ vàng với giá 3.6000.000/chỉ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền Q bán được là 39.600.000,đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Q bù thêm 34.000.000,đ (Ba mươi tư triệu) (là số tiền mặt trộm cắp được) tổng cộng là 73.600.000,đ (Bảy mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) để mua 02 (Hai) lượng vàng (loại vàng miếng SJC). Đến ngày 20/12/2017 Q mang số vàng trên lên nhà vợ tại tổ L thị trấn B cất giấu vào phía sau bóng đèn sưởi trong phòng tắm tầng hai. Sau khi đã mua vàng, số tiền mặt trộm được còn 26.000.000,đ (Hai mươi sáu triệu) Q đã tiêu sài cá nhân, chỉ còn lại 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 06/01/2018, Q bị bắt giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trên người Q một ví giả da màu nâu bên trong có 600.00,đ, (Sáu trăm nghìn đồng), một điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu IPHONE, IMEI số 358754054590518, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Hồi 11 giờ 10 phút này 06/01/2018 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Nguyên Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Q tại tổ L thị trấn B (tức nhà bố mẹ vợ của Q). Qua khám xét phát hiện: trong nhà vệ sinh ở tầng hai, phía sau bóng đèn sưởi bị vỡ có 02 (Hai) miếng kim loại màu vàng hình chữ nhật đều có kích thước 4,5x2,6x2,0 cm, mặt trước có khắc nổi dòng chữ “SAIGON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999,9 FINE GOLD Công ty vàng đá quý – 37,5gam – 1lượng”, mặt sau có khắc nổi hình con rồng, mỗi miếng kim loại được bọc trong một miếng nhựa trong có in hình dòng chữ “Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn”. Hai miếng kim loại có khắc chìm số Seri lần lượt là EV 92966 và NA 11356.

Vào hồi 18 giờ 20 phút ngày 06/01/2018, tại nhà ông Nguyễn Phương T1, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Nguyên Bình đã tiến hành kiểm tra và phát hiện thấy bên dưới chiếc chiếu đặt trên giường ngủ tầng hai tại gia đình ông T1 có 02 (Hai) hộp nhựa màu đỏ có kích thước lần lượt là 7x7x2 cm loại hộp vuông, trên nắp có ghi dòng chữ “Tập đoàn vàng bạc đá quý Kim Tín” mặt sau có in chìm chữ “Văn Tiên plastic”, bên trong hộp nhựa có 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn bên trong có in chìm dòng chữ “01 chỉ kim tín 99,99%”. Toàn bộ số vật chứng trên, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 1832/C54 (P4) ngày 10/4/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận: Hai miếng kim loại màu vàng, hình chữ nhật, mỗi miếng có kích thước 4,5x2,6x2,0 cm có seri lần lượt là EV 92966 và NA 11356 mỗi miếng có khối lượng là 37,5g, là vàng (Au), hàm lượng % Au là 99,96%; 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn mặt trong có chữ “Kim Tín 99,99 % có khối lượng 37,5gam là vàng, hàm lượng Au 99,91%.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nguyên Bình kết luận: giá trị một chỉ vàng nhãn hiệu Kim Tín thời điểm tháng 12/2017 là 3.540.000,đ (*Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, bà Lê Thị M (vợ ông T1) là người trực tiếp quản lý tài sản trong két sắt khai nhận số tiền trong két sắt bị mất là 70.000.000,đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Trong đó có 60.000.000,đ (*Sáu mươi triệu đồng*) là loại mệnh giá 500.000,đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và 10.000.000,đ (*Mười triệu đồng*) là loại mệnh giá 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*). Nguồn gốc số tiền do buôn bán mà có. Số vàng bị mất gồm: 06 (*Sáu*) chỉ (của bà M 04(*Bốn*) chỉ, của ông T1 01 (*Một*) nhãn mặt vuông loại 02 (*Hai*) chỉ nhưng bà M không cung cấp được giấy tờ mua bán vàng) và số vàng của vợ chồng con trai, con dâu nhưng bà không rõ cụ thể là bao nhiêu, chỉ ước lượng số vàng bị mất khoảng 02 (*Hai*) cây. ông T1 khai nhận: Trước đó ông chỉ biết trong ngăn trên két sắt có 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi phát hiện bị mất, ông T1 báo cho bà M thì nghe bà M nói trong két sắt có khoảng 80.000.000,đ (*Tám mươi triệu đồng*). Về số vàng của hai vợ chồng ông, ông xác nhận ông chỉ có 01 (*Một*) nhãn vàng loại 01 (*Một*) chỉ có từ ngày vợ chồng ông làm đám cưới, sau ngày cưới một thời gian ông tặng bà M 01 (*Một*) nhãn vàng 01 (*Một*) chỉ. Số vàng của hai vợ chồng con trai, con dâu gửi bà M cụ thể là bao nhiêu ông không biết, chỉ biết tổng cộng bị mất khoảng 02 (*Hai*) cây vàng. Nguyễn Yên T2 và Nông Thị V2 (con trai, con dâu ông T1) khai nhận: Số vàng mà anh T2, chị V2 gửi bà M tại thời điểm bị mất trộm là 13 (*Mười ba*) chỉ vàng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cả anh T2 và chị V2 có nhiều lời khai còn mâu thuẫn. Căn cứ vào lời khai của bị hại, không đủ căn cứ để chứng minh số lượng tiền mặt và vàng bị mất ngày 01/12/2017 là 70.000.000,đ (*Bảy mươi triệu đồng*) và 19 (*Mười chín*) chỉ vàng.

Về địa chỉ nơi Q đã bán vàng tại thành phố Bắc Ninh, quá trình điều tra Q khai nhận không nhớ địa chỉ chính xác nên không có cơ sở để xác minh tiếp.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VSKNB ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, thái độ khai báo trước cơ quan Điều tra và tại phiên tòa cũng như nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 36 (*ba mươi sáu*) đến 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Nguyên Bình phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo, truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, ông T1, bà M xác nhận đã nhận đủ số tiền 60.000.000,đ (*Sáu mươi triệu đồng*) do gia đình bị cáo bồi thường và yêu cầu trả thêm 10.000.000,đ (*Mười triệu đồng*). Ông T1, bà M, anh T2, chị V2 yêu cầu Nguyễn Văn Q trả lại 19 (*Mười chín*) chỉ vàng mà bị cáo đã lấy trộm.

Căn cứ vào các lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa hôm nay, các bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai đều mâu thuẫn với nhau do vậy không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu trên mà chỉ chấp nhận buộc bị cáo bồi thường số tài sản thực tế mà bị cáo đã lấy trộm.

Người làm chứng, bà Nguyễn Thu H (vợ của bị cáo khai); ngày 08/01/2018 bị cáo đã nhờ bà H hoàn trả cho ông T1, bà M số tiền 60.000.000,đ (*Sáu mươi triệu đồng*) theo giấy xác nhận đền bù tiền lập ngày 08/01/2018.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nguyên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tiến hành đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, khoảng 09 giờ ngày 01/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn Q đột nhập vào nhà của ông T1 lấy trộm 60.000.000,đ (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền mặt và 11 (*Mười một*) chỉ vàng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi bất chính nên vẫn

cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an chung, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong thời gian qua, tội trộm cắp tài sản xảy ra khá phổ biến trên địa bàn huyện B nên việc đưa bị cáo ra xét xử với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội không chỉ nhằm giáo dục riêng cho bị cáo mà còn mang tính chất giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngay sau khi sự việc bị phát giác, bị cáo đã chủ động nhờ vợ là chị Nguyễn Thu H tự nguyện hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (Hai) hộp nhựa màu đỏ, có kích thước lần lượt là 07x07x02 cm, loại hộp vuông, trên nắp hộp có ghi dòng chữ “Tập đoàn vàng bạc đá quý Kim Tín”, mặt sau có in chìm chữ “Văn Tiến plastic”;

+ 02 (Hai) hộp nhựa màu đỏ, hình vuông, trên nắp hộp có ghi nhãn hiệu KIM TÍN màu vàng, một hộp có kích thước 5,3x5,3x2,0 cm; một hộp có kích thước 3,9x3,9x1,5 cm

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q:

+ 01 (Một) ví giả da màu nâu và 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền mặt.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, IMEI số 358754054590518, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

+ 02 (Hai) miếng kim loại vàng hình chữ nhật, mỗi miếng có kích thước 4,5x2,6x0,2 cm, mặt trước có khắc nổi dòng chữ “SAIGON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999,9 FINE GOLD Công ty vàng bạc đá quý – 37,5 gram – 1 lượng” mặt sau có khắc nổi hình con rồng, mỗi miếng kim loại được bọc trong một miếng nhựa trong có in chìm dòng chữ “Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn”, hai miếng kim loại có khắc chìm số sêri lần lượt là EV96966 và NA11356.

- Trả lại cho bị hại 01 (Một) nhẫn kim loại vàng, hình tròn, bên mặt trong có in chìm dòng chữ “01 chỉ Kim Tín 99,99%” khối lượng 3,75 gram.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại khai bị mất số tiền 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng) tuy nhiên không có căn cứ để chứng minh số tiền bị mất là 70.000.000,đ (Bảy mươi triệu đồng). Mặt khác, bị cáo thừa nhận chỉ lấy 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng). Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định, chỉ đủ căn cứ để xác định bị cáo đã lấy trộm số tiền 60.000.000,đ (Sáu

mười triệu đồng). Xác nhận, gia đình bị cáo đã hoàn trả số tiền 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng) cho bị hại theo giấy xác nhận đền bù tiền lập ngày 08/01/2018. Bác yêu cầu của bị hại yêu cầu bị cáo trả thêm 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ xác định bị cáo đã lấy trộm 11 (Mười một) chỉ vàng. Do đó, áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 11 (Mười một) chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam đồng bằng giá trị vàng tại thời điểm thi hành án). Bị hại có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số vàng mà người có nghĩa vụ liên quan gửi bị hại. Nếu có tranh chấp có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Bị hại được bị cáo bồi thường 11 (Mười một) chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam đồng bằng giá trị vàng tại thời điểm thi hành án).

Bác yêu cầu của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 08 (Tám) chỉ vàng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2018.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (Hai) hộp nhựa màu đỏ, có kích thước lần lượt là 07x07x02 cm, loại hộp vuông, trên nắp hộp có ghi dòng chữ “Tập đoàn vàng bạc đá quý Kim Tín”, mặt sau có in chìm chữ “Văn Tiến plastic”;

+ 02 (Hai) hộp nhựa màu đỏ, hình vuông, trên nắp hộp có ghi nhãn hiệu KIM TÍN màu vàng, một hộp có kích thước 5,3x5,3x2,0 cm; một hộp có kích thước 3,9x3,9x1,5 cm

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q:

+ 01 (Một) ví giả da màu nâu và 600.000,đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền mặt.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng, IMEI số 358754054590518, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

+ 02 (Hai) miếng kim loại vàng hình chữ nhật, mỗi miếng có kích thước

4,5x2,6x0,2 cm, mặt trước có khắc nổi dòng chữ “SAIGON JEWELRY COMPANY SJC RỒNG VÀNG 999,9 FINE GOLD Công ty vàng bạc đá quý – 37,5 gram – 1 lượng” mặt sau có khắc nổi hình con rồng, mỗi miếng kim loại được bọc trong một miếng nhựa trong có in chìm dòng chữ “Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn”, hai miếng kim loại có khắc chìm số sêri lần lượt là EV96966 và NA11356. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị hại 01 (Một) nhẫn kim loại vàng, hình tròn, bên mặt trong có in chìm dòng chữ “01 chỉ Kim Tín 99,99%” khối lượng 3,75 gram.

Số vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/5/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho bị hại số tiền 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng). Xác nhận, gia đình bị cáo đã hoàn trả số tiền 60.000.000,đ (Sáu mươi triệu đồng) cho bị hại theo giấy xác nhận đền bù tiền lập ngày 08/01/2018.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại (Mười một) chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam đồng bằng giá trị vàng tại thời điểm thi hành án). Bị hại có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số vàng mà người có nghĩa vụ liên quan gửi bị hại. Nếu có tranh chấp có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Bị hại được bị cáo bồi thường 11 (Mười một) chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam đồng bằng giá trị vàng tại thời điểm thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tương ứng với thời gian chưa trả.

Bác yêu cầu của bị hại cầu bị cáo bồi thường thêm 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) và 08 (Tám) chỉ vàng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Văn Quyền phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.947.000,đ (Một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 2.147.000,đ (Hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn B;
- Lưu: Hsơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngôn Ngọc Viên